



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 69 + 70

Ngày 15 tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 14-8-2021- | Quyết định số 2844/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (Chỉ số PAPI) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025. | 3 |
| 23-8-2021- | Quyết định số 3070/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc. | 20 |
| 23-8-2021- | Quyết định số 3071/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Chỉ thị số 22/2014/CT-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 25 |

- 23-8-2021- Quyết định số 3072/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. 27
- 24-8-2021- Quyết định số 3089/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 54
- 27-8-2021- Quyết định số 3128/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030. 72

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2844/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch Cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp
tỉnh (Chỉ số PAPI) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2021 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Ủy
ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 – 2021;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2903/TTr-SNV ngày 16 tháng 7 năm
2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (Chỉ số PAPI) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải thiện Chỉ số PAPI trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH

**Cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh
(Chỉ số PAPI) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2844/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Chỉ số PAPI là sản phẩm của hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam từ năm 2009 và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Trung ương và địa phương từ năm 2015 đến nay.

Năm 2020, Thành phố đạt 41,99 điểm, xếp trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp với 07 chỉ số giảm điểm (*từ chỉ số (1) đến chỉ số (7)*) so với năm 2019. Qua kết quả đánh giá Chỉ số PAPI năm 2020, cho thấy Thành phố cần đặt ra kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu phấn đấu là năm 2021 Chỉ số PAPI của Thành phố được xếp vào nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm Trung bình cao và các năm tiếp theo Chỉ số PAPI của Thành phố được xếp vào nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai tuyên truyền, truyền thông kịp thời, hiệu quả các nội dung, kết quả Chỉ số PAPI đến cả hệ thống chính trị Thành phố.

- Đánh giá, xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm cải thiện Chỉ số PAPI của Thành phố ngay trong năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 một cách ổn định, bền vững. Lồng ghép, cụ thể hóa hiệu quả công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở và các nội dung của 03 Chương trình đột phá và 01 Chương trình trọng điểm phát triển Thành phố của Đảng bộ Thành phố vào nội dung của các giải pháp.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện kế hoạch phải gắn với 03 Chương trình đột phá và 01 Chương trình trọng điểm phát triển Thành phố của Đảng bộ Thành phố và phải đồng bộ với Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cải thiện Chỉ số PAPI là nhiệm vụ liên tục, lâu dài, kiên trì, sáng tạo của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; đặc biệt là Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động kiểm tra, giám sát thường xuyên, tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai, thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể thực hiện tốt các yêu cầu; kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn và xử lý trách nhiệm khi không thực hiện tốt hoặc thực hiện không hiệu quả việc nâng cao Chỉ số PAPI.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Năm 2021: Chỉ số PAPI của Thành phố được xếp vào nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm Trung bình cao.

1.2. Năm 2022 và các năm tiếp theo: Chỉ số PAPI của Thành phố được xếp vào nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tuyên truyền, phổ biến về nội dung, kết quả Chỉ số PAPI của Thành phố từ cấp Thành phố đến cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên trong hệ thống chính trị của Thành phố về tầm quan trọng của Chỉ số PAPI.

2.2. Việc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số PAPI là sự chung tay và đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở và trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công nhằm thông tin đến người dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để người dân biết, hiểu và cùng thực hiện, phục vụ nhân dân, tạo lòng tin và nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Xác định vị trí, vai trò và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện thành công các giải pháp cải thiện Chỉ số PAPI.

2.3. Nâng cao Chỉ số PAPI gắn liền với việc cải thiện điểm số tại các chỉ tiêu nội dung

a) Phân đầu cải thiện điểm tại 08 chỉ số nội dung so năm 2021 với năm 2020 như sau:

- Chỉ số nội dung 1 “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”: phân đầu đạt trên 6,00 điểm, tăng 1,55 điểm so với năm 2020 (4,45 điểm);

- Chỉ số nội dung 2 “Công khai, minh bạch”: phân đầu đạt trên 6,5 điểm, tăng 1,12 điểm so với năm 2020 (5,38 điểm);

- Chỉ số nội dung 3 “Trách nhiệm giải trình với người dân”: phân đầu đạt trên 6,00 điểm, tăng 1,2 điểm so với điểm năm 2020 (tăng 4,8 điểm);

- Chỉ số nội dung 4 “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”: phân đầu đạt trên 6,5 điểm, tăng 0.14 điểm so năm 2019 (6.36 điểm);

- Chỉ số nội dung 5 “Thủ tục hành chính công”: phân đầu đạt trên 7,5 điểm, tăng 0,16 điểm so với năm 2020 (7,34 điểm);

- Chỉ số nội dung 6 “Cung ứng dịch vụ công”: Phân đầu đạt trên 7,80 điểm, tăng 0,43 điểm so với năm 2020 (7,37 điểm);

- Chỉ số nội dung 7 “Quản trị môi trường”: Phân đầu đạt trên 6,00 điểm, tăng 3,18 điểm so với năm 2019 (2,82 điểm);

- Chỉ số nội dung 8 “Quản trị điện tử”: Phân đầu đạt trên 6,00 điểm, tăng 2,54 điểm so với năm 2020 (3,46 điểm).

b) Cải thiện điểm tại 08 chỉ số nội dung từ năm 2022 đến năm 2025: Mỗi năm phân đầu điểm năm sau tăng hơn năm trước, đồng thời duy trì nằm trong nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất.

IV. NỘI DUNG VỀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về Chỉ số PAPI trên địa bàn Thành phố

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong đó, cần tập trung tuyên truyền sự hiệu quả của các chương trình, kế hoạch về công tác quy chế dân chủ cơ sở, dân vận chính quyền, công tác dân tộc, tôn giáo, 03 Chương trình đột phá và 01 Chương trình trọng điểm phát triển Thành phố của Đảng bộ Thành phố để phục vụ nâng cao đời sống của người dân.

- Nghiêm túc triển khai việc thông tin, tuyên truyền về mục đích của việc khảo sát, đánh giá Chỉ số PAPI, tập trung vào phổ biến một số kiến thức cơ bản, các hoạt động cộng đồng, ... ; thông tin kết quả đánh giá Chỉ số PAPI năm 2020 và các năm

tiếp theo của Thành phố (trong đó tập trung các nội dung còn hạn chế); mục tiêu, yêu cầu về việc nâng cao Chỉ số PAPI trên địa bàn Thành phố đến từng cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân sống và làm việc trên địa bàn Thành phố để hiểu và cùng thực hiện tốt, có hiệu quả các nội dung nâng cao Chỉ số PAPI. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền tập trung ở 03 kênh thông tin người dân Thành phố sử dụng nhiều nhất: truyền hình, báo, mạng.

- Tiếp tục thông tin, tuyên truyền việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế dân chủ nơi làm việc, công tác dân vận chính quyền; công khai, minh bạch đối với các hoạt động quản lý hành chính công trên địa bàn Thành phố bằng nhiều hình thức, nội dung một cách sâu, rộng có hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội một cách trực quan, sinh động nhằm đưa thông tin chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định tại địa phương đến người dân được biết, nhằm nâng cao lòng tin, sự chia sẻ, đồng thuận và hài lòng của người dân với chính quyền. Đề ra các giải pháp để người dân tạm trú được tiếp cận thông tin và thụ hưởng các dịch vụ được cơ quan hành chính cung cấp trên địa bàn tương tự như người dân có hộ khẩu thường trú.

2. Giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nâng cao điểm số các chỉ tiêu nội dung của Chỉ số PAPI

2.1. Đối với nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”

- Thường xuyên kiện toàn hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục các cấp. Thực hiện tốt công tác phổ biến pháp luật tại cơ sở; thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động các hoạt động của địa phương.

- Tập hợp, huy động sự tham gia của Nhân dân, tạo sự đồng thuận của xã hội trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và phát huy vai trò lực lượng chính trị nòng cốt trong tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và các lĩnh vực chuyên sâu của đời sống xã hội.

- Thực hiện tốt, có hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về hội. Thông tin, tuyên truyền về số lượng, hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các hội, nhóm, câu lạc bộ hoạt động trên địa bàn; thông tin thường xuyên, cụ thể các hoạt động của các tổ chức, nhằm thu hút người dân quan tâm, tham gia.

- Thông tin cụ thể, cập nhật thường xuyên số lượng, chức danh, nhiệm vụ được phân công của từng cán bộ, công chức và người lao động kèm theo các phương thức

liên lạc giữa người dân với đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người của đơn vị, nhằm tăng sự tương tác, thông tin giữa chính quyền với Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

- Thông tin, truyền thông về pháp luật bầu cử, các sự kiện chính trị của địa phương và các cấp. Thực hiện kiện toàn nhân sự khu phố, ấp; trình tự, quy trình bầu Trưởng khu phố, ấp đúng quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tin minh bạch về các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn, minh bạch các khoản đóng góp của người dân khi thực hiện các dự án “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, thông tin cụ thể người dân biết về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Tạo điều kiện Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ. Cầu thị, lắng nghe ý kiến góp ý xây dựng của người dân. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phường, xã, thị trấn theo quy định pháp luật;

2.2. Đối với nội dung “Công khai, minh bạch”

- Thông tin tuyên truyền đến người dân pháp luật về tiếp cận thông tin, đồng thời thực hiện tốt các quy định về Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định hướng dẫn.

- Thực hiện đúng quy định về bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo; công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, kết quả bình xét, bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; trụ sở (điểm hoạt động văn hóa) khu phố, ấp, bảng thông tin khu phố, ấp có hộ nghèo, hộ cận nghèo; mở rộng thông tin trên các trang thông tin điện tử của địa phương; công khai, minh bạch danh sách, chế độ chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, các khoản đóng góp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Thực hiện đúng các quy định về chính sách hỗ trợ xã hội, đúng quy trình xét duyệt và công khai kết quả xét duyệt, công khai các khoản chi hỗ trợ, nhất là đối với các khoản hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; rà soát nghiên cứu mô hình tự quản ở cơ sở để phù hợp với điều kiện của đô thị.

- Thực hiện đúng các quy định về công khai, minh bạch tài chính, ngân sách theo quy định. Công khai về thu, chi ngân sách phải cụ thể, chi tiết, hình thức công khai phù hợp, thuận tiện để người dân có thể tiếp cận và giám sát, nâng tỷ lệ người

dân tiếp cận, biết về công khai thu chi ngân sách. Bảo đảm độ tin cậy về tính chính xác của số liệu để người dân thực hiện quyền giám sát về công khai thu, chi ngân sách. Kịp thời ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm các quy định về quản lý tài chính, tài sản công;

- Các dự thảo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị liên quan đến phường, xã, thị trấn đều phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của người dân tại địa phương. Thực hiện công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện thời theo quy định pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của quận, huyện, thành phố Thủ Đức và tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất; công khai kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.

- Triển khai nhiều biện pháp để cải thiện về tỷ lệ người dân biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị triển khai trên địa bàn phường, xã, thị trấn, nâng tỷ lệ người dân biết, tham dự, đóng góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị triển khai trên địa bàn phường, xã, thị trấn, nội dung tiếp thu ý kiến đóng góp cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị của chính quyền.

2.3. Đối với nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật khiếu nại, tố cáo, pháp luật hòa giải ở cơ sở trên địa bàn. Cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện tốt việc tiếp công dân định kỳ, thường xuyên theo quy định; tập trung giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật đối với các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

- Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của Khu phố, ấp, Tổ hòa giải cơ sở. Thông tin đến người dân các thành viên của Khu phố, ấp, Tổ hòa giải cơ sở, đồng thời thông tin chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

- Tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư khi phát sinh nội dung, vấn đề bức xúc trong quá trình triển khai nhiệm vụ theo Điều 125 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền

đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và những nội dung khác người dân quan tâm và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn xác định cần tổ chức đối thoại;

- Các dự án đầu tư, công trình do Nhân dân đóng góp xây dựng, do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho phường, xã, thị trấn cần phải có sự tham gia giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp định kỳ thông báo kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phường, xã, thị trấn đến người dân khu phố, ấp, cộng đồng dân cư;

- Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định và Cổng thông tin 1022 của Thành phố. Thường xuyên tập huấn đội ngũ cán bộ, công chức về chuyên môn nghiệp vụ trong tiếp nhận, xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

2.4. Đối với nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực quản lý, đặc biệt liên quan đến công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, giải quyết thủ tục hành chính, công tác tài chính... theo quy định pháp luật.

- Công khai, minh bạch kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng quy định, đa dạng về hình thức nhằm thông tin đến người dân được biết và thực hiện giám sát.

- Phối hợp, thực hiện, tạo điều kiện Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện giám sát, phản biện xã hội.

- Lãnh đạo, thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý nhà nước tại cơ quan, đơn vị trực thuộc. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí hàng năm theo quy định. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị phụ trách;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế; lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn Thành phố không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, khám chữa bệnh tại các đơn vị; đơn giản thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành để phục vụ tốt người dân; Chống tiêu cực,

tham nhũng trong lĩnh vực y tế, nhất là tham nhũng vặt trong tiếp nhận, khám, chữa bệnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục. Lãnh đạo các đơn vị giáo dục công lập công khai minh bạch các khoản phí, lệ phí theo quy định; tăng cường công tác quản lý dạy thêm, học thêm; không để xảy ra tình trạng “chạy trường, chạy lớp”, công khai, minh bạch trong tuyển sinh đầu cấp; không để xảy ra tình trạng phụ huynh phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thực hiện nghiêm công tác thi tuyển, tuyển dụng công chức, viên chức, người lao động. Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng. Chống tiêu cực trong công tác tuyển dụng. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thanh tra Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra về công tác phòng, chống tham nhũng trong quản lý nhà nước tại các đơn vị theo thẩm quyền.

2.5. Đối với nội dung “Thủ tục hành chính công”

- Kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ hành chính nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, xây dựng; không để tình trạng người dân, tổ chức đi lại nhiều lần để giải quyết hồ sơ; nâng cao tỉ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn. Ứng dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thường xuyên kiện toàn và bố trí nhân sự phù hợp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo trình độ chuyên môn, vững về nghiệp vụ, có khả năng giao tiếp tốt, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, góp phần tăng tỉ lệ hài lòng của người dân.

- Đề cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng công tác rà soát các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân.

2.6. Đối với nội dung “Cung ứng dịch vụ công”

- Tuyên truyền nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, nâng tỷ lệ người dân biết về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế

miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi; thực hiện chính sách hỗ trợ mua bảo hiểm y tế các trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo của Thành phố.

- Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng của bệnh viện tuyến huyện và các trạm y tế cấp xã.

- Cung cấp dịch vụ sử dụng điện lưới quốc gia an toàn, hiệu quả. Cải tiến thủ tục lắp đặt và thanh toán cước phí một cách tiện lợi nhất.

- Đẩy mạnh chỉnh trang và phát triển đô thị, tạo diện mạo mới cho vùng nông thôn. Triển khai thực hiện các chương trình đảm bảo vệ sinh môi trường, phát triển mảng xanh đô thị, năng lượng xanh, giao thông xanh, tiến đến xây dựng hoàn thiện hạ tầng xanh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc huy động người dân đóng góp tự nguyện duy tu, cải tạo hạ tầng giao thông trên địa bàn;

- Phát huy hiệu quả dự án giảm ngập do triều cường gây ra sau khi hoàn thành; mời gọi các nguồn lực xã hội tham gia triển khai các giải pháp xóa, giảm ngập; tổ chức quản lý có hiệu quả hệ thống thoát nước hiện hữu; nâng cao ý thức của người dân tham gia bảo vệ hệ thống thoát nước, chung tay xóa, giảm ngập, cùng chính quyền Thành phố giữ gìn, bảo tồn diện tích mặt nước tự nhiên.

- Truyền truyền vận động người dân sử dụng dịch vụ thu gom rác thải; quản lý hiệu quả đối với các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn phường, đảm bảo việc thu gom rác thải thường xuyên, không để tình trạng rác thải tồn đọng rác tại cộng đồng dân cư.

- Đảm bảo nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất - kinh doanh. Nâng cao tỷ lệ hộ dân sử dụng nước máy là nguồn nước ăn uống chính, trong sinh hoạt của hộ gia đình; kịp thời giải quyết các phản ánh của người dân về chất lượng nguồn nước.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong Nhân dân. Triển khai các biện pháp bảo đảm về an ninh, trật tự trên địa bàn. Giảm số lượng vụ án, giảm tỉ lệ trọng án xảy ra trên địa bàn. Giữ vững an ninh, chính trị trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng các trường phổ thông trên địa bàn Thành phố, nhất là các trường tiểu học. Tăng tỉ lệ các trường được đánh giá, phân loại đạt chuẩn, nhất là đạt chuẩn quốc gia.

- Xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp mạnh mẽ giải quyết triệt để giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố. Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách huy động tối đa các nguồn lực, đầu tư các công trình giao thông trọng điểm. Vận động người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng

của đường thủy, đường sắt đô thị, xe buýt, xe buýt điện... thay cho phương tiện cá nhân.

- Sử dụng các phương thức, phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong cung ứng dịch vụ công.

2.7. Đối với nội dung “Quản trị môi trường”

- Thực hiện tốt quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường tại địa phương. Phối hợp các cơ quan, đoàn thể cùng cấp phổ biến người dân biết Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo tại Quyết định 12/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành tiêu chí và quy trình công nhận “Khu phố, ấp sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch”, “Phường, xã, thị trấn không xả rác ra đường và kênh rạch” và “Công trình, giải pháp, sáng kiến xanh”, Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch xây dựng Thành phố Xanh - Thân thiện môi trường giai đoạn 2020 - 2025.

- Thông tin đến người dân biết công tác quản lý nhà nước về môi trường, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn phường, xã, thị trấn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm và kịp thời các hành vi không tuân thủ cam kết bảo vệ môi trường của các tổ chức, doanh nghiệp vi phạm; thông tin kết quả giải quyết của các cơ quan đối với các phản ánh của người dân liên quan đến bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đến người dân Thành phố, nâng cao nhận thức của người dân trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước. Khuyến khích sự tham gia của người dân, cộng đồng dân cư giám sát giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhận thức của cộng đồng về sử dụng nguồn nước, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, hạn chế các yếu tố chủ quan của con người ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

- Thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, giảm thiểu tiếng ồn tại cộng đồng dân cư, khu vực công cộng, giảm bụi ảnh hưởng sức khỏe con người trên địa bàn Thành phố trong thời gian tới, bổ sung các điểm quan trắc nguồn nước, không khí ở các khu vực quan trọng, đông dân cư, có phạm vi ảnh hưởng đến môi trường

của Thành phố; nội dung tuyên truyền để người dân tiếp cận, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, thích ứng điều kiện sống thay đổi do các yếu tố của biến đổi khí hậu tác động đến môi trường.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về tài nguyên nước, giữ gìn nguồn nước sạch, chống ô nhiễm nguồn nước, phát triển sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, nông nghiệp và chế biến sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi công nghệ xử lý của các nhà máy và công tác đầu thầu các dự án xử lý rác thải sinh hoạt đáp ứng chỉ tiêu công nghệ đến năm 2025 tổng tỷ lệ công nghệ tiên tiến đạt 80%, chôn lấp giảm còn 20%.

- Các cơ quan, đơn vị khi đầu tư trang, thiết bị làm việc ưu tiên mua các sản phẩm có dán nhãn sinh thái, tiết kiệm năng lượng, trang thiết bị năng lượng có hiệu suất cao.

2.8. Đối với nội dung “Quản trị điện tử”

- Triển khai đảm bảo tiến độ Đề án xây dựng đô thị thông minh, Chương trình chuyển đổi số, chính quyền điện tử, chính quyền số của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tuyên truyền, phổ biến để người dân biết các tiện ích, ứng dụng công nghệ thông tin, địa chỉ truy cập, nơi cung cấp thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố, sở, ngành, thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

- Thực hiện phổ biến Luật An ninh mạng để người dân biết các quy định pháp luật, không có hành vi vi phạm pháp luật, cung cấp hộp thư điện tử ghi nhận các ý kiến góp ý của người dân về hoạt động của chính quyền, kịp thời phản hồi, giải thích, giải quyết các phản ánh của người dân qua môi trường mạng, các ứng dụng trực tuyến, mạng xã hội để minh bạch thông tin hoạt động của chính quyền các cấp trên nền tảng môi trường mạng, các ứng dụng mạng xã hội;

- Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng quy định về dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc, cập nhật, ghi nhận và kịp thời xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến chức trách, nhiệm vụ, góp ý của người dân về hoạt động của chính quyền, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, đúng quy định pháp luật, cải thiện hiệu quả quản trị điện tử của chính quyền các cấp.

3. Giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành về Chỉ số PAPI

- Thường xuyên rà soát các kết quả công tác theo chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị và kế hoạch này.

- Kiện toàn, bồi dưỡng cán bộ, công chức thực hiện công tác dân vận, quy chế dân chủ, chỉ số PAPI tại cơ quan, đơn vị, đặc biệt là tại UBND phường, xã, thị trấn; tổ chức trao đổi kinh nghiệm, giải pháp từ các chuyên gia, các đơn vị triển khai hiệu quả chỉ số PAPI.

- Gắn kết chặt chẽ giữa phong trào thi đua “Dân vận khéo”, nhất là kế hoạch thực hiện nội dung 5 không: “Không để người nghèo, người yếu thế tụt hậu, bị bỏ quên”, “Không gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp”, “Không xả rác bừa bãi ra đường phố và kênh rạch”, “Không vi phạm Luật Giao thông đường bộ” và “Không tụ tập gây rối, ảnh hưởng an ninh chính trị, trật tự an toàn nơi cư trú và trên đường phố” với các phong trào thi đua yêu nước khác do Thành phố và các địa phương phát động; đặc biệt là bổ sung tiêu chí để khen thưởng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn hàng năm.

- Biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể gương mẫu, điển hình thực hiện tốt các yêu cầu về nâng cao Chỉ số PAPI; kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn và xử lý trách nhiệm khi không thực hiện tốt hoặc thực hiện không hiệu quả việc nâng cao Chỉ số PAPI.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện Chỉ số PAPI: kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung nâng cao Chỉ số PAPI đối với các đơn vị được phân công thực hiện trên địa bàn Thành phố; Phối hợp và tạo điều kiện Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện các nội dung nâng cao Chỉ số PAPI.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện

1.1. Thủ trưởng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện nghiêm túc Mục IV của Kế hoạch này.

1.2. Giao các sở, ban, ngành được phân công nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn và thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan Chỉ số PAPI, có trách nhiệm tham mưu xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, hoặc ban hành Kế hoạch để các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nhằm nâng cao Chỉ số PAPI, cụ thể:

- Chỉ số nội dung 1 “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”: Sở Nội vụ.

- Chỉ số nội dung 2 “Công khai, minh bạch”:
 - + Nội dung “Tiếp cận thông tin”: Sở Tư pháp.
 - + Nội dung “Danh sách hộ nghèo”: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
 - + Nội dung “Thu, chi ngân sách các xã”: Sở Tài chính.
 - + Nội dung “Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá bồi thường thu hồi đất”: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Chỉ số nội dung 3 “Trách nhiệm giải trình của người dân” và chỉ số nội dung 4 “Kiểm soát tham nhũng trong chính khu vực công”: Thanh tra Thành phố.
- Chỉ số nội dung 5 “Thủ tục hành chính công”: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Chỉ số nội dung 6 “Cung ứng dịch vụ công”:
 - + Nội dung “Y tế công lập”: Đơn vị chủ trì: Sở Y tế; đơn vị phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
 - + Nội dung “Giáo dục tiểu học công lập”: Sở Giáo dục và Đào tạo.
 - + Nội dung “Cơ sở hạ tầng căn bản”: Sở Xây dựng.
 - + Nội dung “An ninh, trật tự khu dân cư”: Công an Thành phố.
- Chỉ số nội dung 7 “Quản trị môi trường”: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Chỉ số nội dung 8 “Quản trị điện tử”: Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.3. Sở Nội vụ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác dân vận của chính quyền ở cấp xã; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, ở doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo quy định.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch truyền truyền, phổ biến về các nội dung của Chỉ số PAPI đến các tổ chức tôn giáo, chức sắc tôn giáo trên địa bàn Thành phố.
- Tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành về Chỉ số PAPI.
- Phối hợp mời các chuyên gia của tổ chức đánh giá Chỉ số PAPI để hướng dẫn, tuyên truyền cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, để tìm hiểu nguyên nhân những nội dung đánh giá Thành phố có điểm số thấp, trao đổi một số chỉ số mới, chỉ số có nội dung thay đổi.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn những nội dung về Chỉ số PAPI.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức đoàn trao đổi các kinh nghiệm, giải pháp trong triển khai có hiệu quả đối với các chỉ số thành phần của Chỉ số PAPI tại các tỉnh có nhóm đạt điểm cao nhất.

- Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai tuyên truyền, thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI của các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và chế độ báo cáo về Chỉ số PAPI.

1.4. Sở Tư pháp

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh định hướng, tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến các chỉ số thành phần của Chỉ số PAPI đến tận cơ sở, trong đó, tập trung tuyên truyền, phổ biến về Luật phòng, chống tham nhũng; Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy định về quy chế dân chủ ở cơ sở; quy chế dân chủ ở nơi làm việc.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan thành viên khác của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các quận, huyện, thành phố Thủ Đức đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành (chú trọng các biện pháp và trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân) trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và trên Cổng thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh (<https://tuyentruyenphapluat.tphcm.gov.vn>), nhằm góp phần tuyên truyền sâu rộng đến các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin đến cán bộ, công chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tuyên truyền, truyền thông về Chỉ số PAPI.

- Tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về kết quả Chỉ số PAPI; kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin trên Cổng tiếp nhận và giải đáp thông tin cho người dân, doanh nghiệp và tổ chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Cổng thông tin 1022).

1.6. Ban Dân tộc Thành phố

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về các nội dung của Chỉ số PAPI đến các đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú trên địa bàn Thành phố.

1.7. Viện nghiên cứu phát triển Thành phố

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố khảo sát, đánh giá độc lập, chuyên sâu về công tác khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức; để làm cơ sở so sánh, phản biện với kết quả Chỉ số PAPI của các đơn vị đánh giá.

1.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố

Chủ trì xây dựng triển khai thực hiện đo lường hiệu quả hoạt động của các Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn theo cấu trúc, tiêu chí tương đồng với Chỉ số PAPI của Trung ương.

1.9. Đề nghị Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện công tác giám sát, tuyên truyền và phản biện về Chỉ số PAPI trên địa bàn Thành phố.

2. Chế độ thông tin, báo cáo

Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, năm gửi đến Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện; phường, xã, thị trấn tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ tổng hợp) để kịp thời giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3070/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2599/TTr-SQHKT ngày 23 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 (hai) thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng						
1	Cung cấp thông tin về Quy hoạch Xây dựng	15 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; - Luật sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018. - Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	<p>I. Trình tự thực hiện</p> <p>Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin quy hoạch bằng văn bản gửi 01 bộ hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiếp nhận và kiểm tra nội dung và tính pháp lý của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp. + Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đầy đủ một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Quy hoạch – Kiến trúc có trách nhiệm rà soát thông tin về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, các thông tin khác liên quan đến quy hoạch và cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân</p> <p>II. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>III. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.</p>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng						
1	Cung cấp thông tin về Quy hoạch Xây dựng	15 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; - Luật sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018. - Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc 	<p>I. Trình tự thực hiện</p> <p>Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin quy hoạch bằng văn bản gửi 01 bộ hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện tiếp nhận kiểm tra nội dung và tính pháp lý của hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	<p>+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đầy đủ một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện có trách nhiệm rà soát thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, các thông tin khác liên quan đến quy hoạch và cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>II. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>III. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý đô thị cấp huyện</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3071/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Chỉ thị số 22/2014/CT-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thi hành
Luật Tiếp công dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 4396/TTr-VP ngày 09 tháng 6 năm 2021 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2257/STP-KTrVB ngày 15 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị số 22/2014/CT-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3072/QĐ-UBND

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4419/TTr-STC ngày 22 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (trực tuyến mức độ 4) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Danh mục và nội dung chi tiết của quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

QUY TRÌNH**Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách
(Trực tuyến mức độ 4)***(Ban hành kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND**ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Biểu mẫu đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1,2,3,4,6 ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính	01	Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến thì các tệp đính kèm hồ sơ phải được định dạng *.pdf

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ và trả kết quả tại Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách. Truy cập thông qua một trong các cách sau: 1. Truy cập trực tiếp theo đường dẫn: https://mstt.mof.gov.vn 2. Truy cập vào Mục “Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4” trên trang thông tin điện tử Sở Tài chính (http://tevg.hochiminhcity.gov.vn)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	24/24 giờ	Theo mục I	- Nộp hồ sơ: Thành phần hồ sơ theo mục I (nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách với đường dẫn truy cập như sau: https://mstt.mof.gov.vn)
B2	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Tin học – Thống kê và Quản lý nợ chính quyền địa phương	01 ngày làm việc	Theo mục I Dự thảo kết quả	<p>1. Thụ lý hồ sơ, rà soát, kiểm tra, thẩm định về tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ (đầy đủ nội dung, thành phần, biểu mẫu và số lượng theo quy định) thì tiến hành trình và chuyển trên hệ thống cho lãnh đạo Phòng Tin học – Thống kê và Quản lý nợ chính quyền địa phương. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (không đầy đủ nội dung, thành phần, biểu mẫu và số lượng theo quy định) thì chuyên trả lại trên hệ thống và hướng dẫn, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Khi chuyên trả lại trên hệ thống, phải ghi rõ lý do trả lại, các nội dung hướng dẫn sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung. <p>2. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ</p>

					sơ không quá 01 lần (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện theo đúng, đầy đủ nội dung đã hướng dẫn)
B3	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Tin học – Thống kê và Quản lý nợ chính quyền địa phương	01 ngày làm việc	Theo mục I Dự thảo kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét và phê duyệt hồ sơ. - Chuyển trên hệ thống.
B4	Trả kết quả	Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp mã số cho đơn vị có quan hệ với ngân sách	01 ngày làm việc	Theo mục I	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống tự động xử lý hồ sơ đã được phê duyệt. 2. Văn bản trả kết quả: văn bản điện tử Giấy chứng nhận mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách. 3. Hình thức trả kết quả: trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách (https://mstt.mof.gov.vn), thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân đã được cấp khi nộp hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà (theo tờ khai số 01-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư 185/2015/TT-BTC)
2	BM 02	Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách (theo tờ khai số 01-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư 185/2015/TT-BTC)
3	BM 03	Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các dự án đầu tư tại giai đoạn chuẩn bị đầu tư (theo tờ khai số 02-MSNS-BTC tại Phụ

		lục kèm theo Thông tư 185/2015/TT-BTC)
4	BM 04	Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các dự án đầu tư tại giai đoạn thực hiện dự án (theo tờ khai số 03-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư 185/2015/TT-BTC)
5	BM 05	Hồ sơ đăng ký bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư (theo tờ khai số 04-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư 185/2015/TT-BTC)
6	BM 06	Hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (theo tờ khai số 06-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư 185/2015/TT-BTC)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Các tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách tương ứng (Tờ khai MSNS-BTC 1,2,3,4,6 ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 18/11/2015 của Bộ Tài chính)
2	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007; Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

- Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách./.

Mẫu số: 01-MSNS-BTC

1. Mẫu số 01-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách (Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính).

Bộ, ngành; Tỉnh/TP:.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH*****DÙNG CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ KHÁC CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH*****1. Tên đơn vị:**.....**2. Loại hình đơn vị:**

01- Đơn vị sự nghiệp kinh tế

07- Doanh nghiệp Nhà nước

02- Đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học

08- Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách

03- Đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo

09- Ban quản lý dự án đầu tư

04- Đơn vị sự nghiệp y tế

10- Các đơn vị được hỗ trợ ngân sách

05- Đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin

11- Đơn vị khác

06- Đơn vị quản lý hành chính

3. Chương Ngân sách:**4. Cấp dự toán:**

4.1. Đơn vị có được đơn vị nào giao dự toán kinh phí hoạt động không?

Không Có

Nếu chọn “Có” đề nghị ghi rõ tên đơn vị giao dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị:

.....

4.2. Đơn vị có giao dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị nào không?

Không

Có

Nếu chọn “Có” đề nghị ghi rõ tên từ 1 đến 3 đơn vị được đơn vị giao dự toán kinh phí:

-
-
-

5. Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp

- Tên đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:

- Mã số đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:

6. Văn bản thành lập đơn vị

- Số văn bản:

- Ngày ký văn bản:
.....

- Cơ quan ra văn bản:

7. Địa điểm

- Tỉnh, thành phố:

- Quận, huyện:

- Xã, phường:

- Số nhà, đường phố:

8. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

- Họ và tên người đại diện:

- Điện thoại cơ quan:

- Điện thoại di động:

- Email:

.....

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01-MSNS-BTC

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách

1. Tên đơn vị: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị theo quyết định thành lập.

2. Loại hình đơn vị: Ghi mã số loại hình đơn vị tương ứng vào trong ô

--	--

3. Chương Ngân sách: Ghi rõ mã số của Chương ngân sách tương ứng của đơn vị.

4. Cấp dự toán: Ghi rõ vào ô trống cấp dự toán của đơn vị (cấp I, II, III, IV)

4.1. Trả lời câu hỏi bằng cách tích (ü) vào ô tương ứng. Nếu chọn câu trả lời “Có” đề nghị đơn vị ghi rõ tên đơn vị đã giao dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị hàng năm.

4.2. Trả lời câu hỏi bằng cách tích (ü) vào ô tương ứng. Nếu chọn câu trả lời “Có” đề nghị đơn vị ghi rõ tên những đơn vị được đơn vị giao dự toán kinh phí hoạt động hàng năm. Nếu đơn vị giao dự toán kinh phí hoạt động cho 1 đơn vị cấp dưới thì ghi tên đơn vị đó, nếu giao dự toán kinh phí cho 2 đơn vị cấp dưới đề nghị ghi rõ tên 2 đơn vị đó, nếu giao dự toán kinh phí cho nhiều hơn 3 đơn vị thì chỉ cần ghi tên 3 đơn vị.

5. Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp

- *Tên đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:* Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp.

- *Mã đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:* Ghi mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của

đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp.

6. Văn bản thành lập đơn vị

- *Số văn bản*: Số Quyết định hoặc số văn bản thành lập đơn vị.
- *Ngày ký văn bản*: Ngày ký Quyết định hoặc ký văn bản thành lập đơn vị.
- *Cơ quan ra văn bản*: Tên cơ quan ra Quyết định hoặc văn bản thành lập đơn vị.

7. Địa điểm

- *Tỉnh, thành phố*: Ghi rõ tên tỉnh/thành phố.
- *Quận, huyện*: Ghi rõ tên quận/huyện/thành phố trực thuộc Tỉnh.
- *Xã, phường*: Ghi rõ tên phường/xã/thị trấn.
- *Số nhà, đường phố*: Ghi rõ số nhà, đường phố là địa chỉ của đơn vị (nếu có).

8. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

- *Họ và tên người đại diện*: Người đại diện kê khai ghi rõ họ tên của mình.
- *Điện thoại cơ quan*: Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định.
- *Điện thoại di động*: Số điện thoại di động của người đại diện kê khai.
- *Email*: Ghi rõ địa chỉ Email của người kê khai.

Đơn vị phải điền chính xác, đầy đủ thông tin của người đại diện đơn vị để thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin về quá trình đăng ký mã số ĐVQHNS từ cơ quan tài chính.

Lưu ý: Sau khi lập xong tờ khai đăng ký mã số và Thủ trưởng đơn vị ký tên đóng dấu và gửi về Bộ, ngành chủ quản (Vụ Kế hoạch Tài chính hoặc tương đương) xác nhận theo mẫu 07-MSNS-BTC đối với đơn vị thuộc ngân sách Trung ương; Sở, Ban, ngành chủ quản đối với đơn vị thuộc Ngân sách tỉnh; Phòng Tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách huyện, xã hoặc bản sao hợp lệ văn bản thành lập đơn vị.

Nếu đơn vị đồng thời là đơn vị chủ quản cấp trên thì không phải xác nhận. Trường hợp các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách (như các hiệp hội, đoàn thể) thì không phải xác nhận của đơn vị chủ quản, ngoài mẫu kê khai này cần bổ sung kèm theo 01 bản sao hợp lệ văn bản thành lập đơn vị và các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ, kinh phí cho đơn vị.

Mẫu số: 02-MSNS-BTC

2. Mẫu số 02-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư) (Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính).

Bộ, ngành; Tỉnh/TP:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH

DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư:

2. Dự án cấp trên (đối với tiểu dự án):

2.1. Tên dự án cấp trên:

2.2. Mã dự án cấp trên:

3. Chủ đầu tư:

3.1. Tên chủ đầu tư:

3.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

3.3. Địa chỉ chủ đầu tư:

- Tỉnh, Thành phố:

- Quận, huyện: Xã, phường:

- Số nhà, đường phố:

- Điện thoại (cố định hoặc di động):

- Email:

4. Ban quản lý dự án (nếu có):

4.1. Tên Ban quản lý dự án:

4.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

4.3. Địa chỉ Ban quản lý dự án:

- Tỉnh, Thành phố:

- Quận, huyện:

- Xã, phường:

- Số nhà, đường phố:
- Điện thoại:
- Email:

5. Cơ quan chủ quản cấp trên:

- 5.1. Tên cơ quan chủ quản cấp trên:
- 5.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

6. Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:

- 6.1. Cơ quan ra Quyết định/văn bản:
- 6.2. Số Quyết định/văn bản:
- 6.3. Ngày ra Quyết định/văn bản:
- 6.4. Người ký Quyết định/văn bản:
- 6.5. Tổng kinh phí chuẩn bị đầu tư (nếu có):
- 6.6. Nguồn vốn:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

7. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS:

- 7.1. Họ và tên người đại diện:
- 7.2. Điện thoại cơ quan:
- 7.3. Điện thoại di động:
- 7.4. Email:

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02-MSNS-BTC

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên dự án đầu tư theo Quyết định hoặc văn bản thông báo chủ trương đầu tư dự án.

2. Dự án cấp trên

2.1. Tên dự án cấp trên: Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn) ghi rõ tên dự án cấp trên.

2.2. Mã dự án cấp trên: Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn), ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của dự án cấp trên.

3. Chủ đầu tư

3.1. Tên chủ đầu tư: Ghi rõ tên của chủ đầu tư.

3.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư.

3.3. Địa chỉ chủ đầu tư:

- *Tỉnh, thành phố:* Ghi rõ tên tỉnh/thành phố.

- *Quận, huyện:* Ghi rõ tên quận/huyện.

- *Xã, phường:* Ghi rõ tên xã/phường.

- *Số nhà, đường phố:* Ghi chi tiết địa chỉ số nhà, đường phố của chủ đầu tư (nếu có).

- *Điện thoại:* Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định hoặc số điện thoại di động.

- *Email:* Ghi rõ địa chỉ Email của đơn vị (nếu có).

4. Ban Quản lý dự án đầu tư (nếu có): Chỉ kê khai khi Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để quản lý dự án

4.1. Tên Ban quản lý dự án: Ghi rõ tên Ban quản lý dự án.

4.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Ban quản lý dự án đầu tư.

4.3. Địa chỉ Ban quản lý dự án: Kê khai rõ địa chỉ Ban quản lý dự án theo như hướng dẫn kê khai tại mục 3.3.

5. Cơ quan chủ quản cấp trên

5.1. Tên cơ quan chủ quản cấp trên: Ghi rõ tên của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi tên của chủ đầu tư ở mục 3.1.

5.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với

ngân sách của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư ở mục 3.2.

6. Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

6.1. Cơ quan ra Quyết định/văn bản: Tên cơ quan ra Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

6.2. Số Quyết định/văn bản: Số Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư.

6.3. Ngày ra Quyết định/văn bản: Ngày ký Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư.

6.4. Người ký Quyết định/văn bản: Người ký Quyết định hoặc văn bản thông báo phê duyệt chủ trương đầu tư.

6.5. Tổng kinh phí: Ghi rõ tổng kinh phí quyết định phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư (nếu có).

6.6. Nguồn vốn đầu tư: Ghi chi tiết một hoặc nhiều nguồn vốn theo nguồn vốn và tỉ lệ từng nguồn vốn đầu tư và tổng các nguồn vốn đầu tư này phải bằng 100%.

7. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

7.1. Họ và tên người đại diện: Người đại diện kê khai ghi rõ họ tên của mình.

7.2. Điện thoại cơ quan: Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định.

7.3. Điện thoại di động: Số điện thoại di động của người đại diện kê khai.

7.4. Email: Ghi rõ địa chỉ Email của người đại diện kê khai.

Đơn vị phải điền chính xác, đầy đủ thông tin của người đại diện đơn vị đăng ký mã số để thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin về quá trình đăng ký mã số ĐVQHNS từ cơ quan tài chính.

Mẫu số: 03-MSNS-BTC

3. Mẫu số 03-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn thực hiện dự án) (Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính).

Bộ, ngành; Tỉnh/TP:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH
DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN**

1. Tên dự án đầu tư:

2. Nhóm dự án đầu tư

Dự án quan trọng quốc gia Dự án nhóm B

Dự án nhóm A Dự án nhóm C

3. Hình thức dự án

Xây dựng mới Cải tạo mở rộng Cải tạo sửa chữa

4. Hình thức quản lý thực hiện dự án

Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án

Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Quản lý dự án của Tổng thầu xây dựng (EPC)

Ban QLDA đầu tư xây dựng một dự án đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước quy mô nhóm A có công trình cấp đặc biệt, có áp dụng công nghệ cao Thuê tư vấn quản lý dự án

5. Dự án cấp trên (đối với tiểu dự án)

5.1. Tên dự án cấp trên:

5.2. Mã dự án cấp trên:

6. Chủ đầu tư

6.1. Tên chủ đầu tư:

6.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

6.3. Địa chỉ chủ đầu tư:

- Tỉnh, thành phố:

- Quận, huyện:

- Xã, phường:

- Số nhà, đường phố:

- Điện thoại:

- Email:

7. Ban quản lý dự án (nếu có)

7.1. Tên Ban Quản lý dự án:

7.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

7.3. Địa chỉ Ban quản lý dự án:

- Tỉnh, thành phố:

- Quận, huyện:

- Xã, phường:

- Số nhà, đường phố:

- Điện thoại:

- Email:

8. Cơ quan chủ quản cấp trên

8.1. Tên cơ quan chủ quản cấp trên:

8.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

9. Quyết định đầu tư

9.1. Cơ quan ra quyết định:

9.2. Số quyết định:

9.3. Ngày quyết định:

9.4. Người ký quyết định:

9.5. Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt:

9.6. Thời gian hoàn thành dự án được duyệt:

9.7. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án:

o Chi phí xây dựng:

.....

o Chi phí thiết bị:

.....

o Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tái định cư:

o Chi phí dự phòng:

.....

o Chi phí quản lý dự án:

.....

o Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

o Chi phí khác:

9.8. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

9.9. Địa điểm thực hiện dự án:

Quốc gia	Tỉnh, thành phố	Quận, huyện	Xã, phường

9.10. Ngành kinh tế (nếu có):

Mã ngành kinh tế	Tên ngành kinh tế

10. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

10.1. Họ và tên người đại diện:

10.2. Điện thoại cơ quan:

10.3. Điện thoại di động:

10.4. Email:

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03-MSNS-BTC

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư ở giai đoạn thực hiện dự án

1. Tên dự án đầu tư: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên dự án đầu tư theo quyết định đầu tư.

2. Nhóm dự án đầu tư: Đánh dấu X vào 1 trong các ô nhóm dự án tương ứng.

3. Hình thức dự án: Đánh dấu X vào 1 trong các ô hình thức dự án tương ứng.

4. Hình thức quản lý thực hiện dự án: Đánh dấu X vào 1 trong các ô hình thức quản lý thực hiện dự án tương ứng.

5. Dự án cấp trên

5.1. Tên dự án cấp trên: Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn) ghi rõ tên dự án cấp trên.

5.2. Mã dự án cấp trên: Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn), ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của dự án cấp trên.

6. Chủ đầu tư

6.1. Tên chủ đầu tư: Ghi rõ tên của chủ đầu tư.

6.2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư dự án.

6.3. Địa chỉ chủ đầu tư:

- **Tỉnh, thành phố:** Ghi rõ tên tỉnh/thành phố.

- *Quận, huyện*: Ghi rõ tên quận/huyện.
- *Xã, phường*: Ghi rõ tên xã/phường.
- *Số nhà, đường phố*: Ghi chi tiết địa chỉ số nhà, đường phố của chủ đầu tư (nếu có).
- *Điện thoại*: Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định hoặc số điện thoại di động.
- *Email*: Ghi rõ địa chỉ Email của đơn vị (nếu có).

7. Ban Quản lý dự án đầu tư (nếu có): Chỉ kê khai khi Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để quản lý dự án.

7.1. *Tên Ban quản lý dự án*: Ghi rõ tên Ban quản lý dự án.

7.2. *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách*: Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Ban quản lý dự án.

7.3. *Địa chỉ Ban quản lý dự án*: Kê khai rõ địa chỉ Ban quản lý dự án đầu tư theo như hướng dẫn kê khai tại mục 6.3.

8. Cơ quan chủ quản cấp trên

8.1. *Tên cơ quan chủ quản cấp trên*: Ghi rõ tên của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi tên của chủ đầu tư ở mục 6.1.

8.2. *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách*: Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư ở mục 6.2.

9. Quyết định đầu tư

9.1. *Cơ quan ra quyết định*: Tên cơ quan ra quyết định đầu tư.

9.2. *Số quyết định*: Số quyết định đầu tư.

9.3. *Ngày quyết định*: Ngày ký quyết định đầu tư.

9.4. *Người ký quyết định*: Người ký quyết định đầu tư.

9.5. *Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt*: Ghi rõ thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt nếu có.

9.6. *Thời gian hoàn thành dự án được duyệt*: Ghi rõ thời gian hoàn thành dự án

được duyệt nếu có.

9.7. *Tổng mức đầu tư xây dựng công trình:* Mức tối đa cho phép của dự án, ghi chi tiết theo một hoặc tất cả các loại chi phí.

9.8. *Nguồn vốn đầu tư:* Ghi chi tiết một hoặc nhiều nguồn vốn theo nguồn vốn và tỉ lệ từng nguồn vốn đầu tư và tổng các nguồn vốn đầu tư này phải bằng 100%.

9.9. *Địa điểm thực hiện dự án:* Ghi rõ quốc gia nơi thực hiện dự án đối với các dự án của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. Ghi chi tiết các địa bàn (tỉnh/thành phố, quận/huyện, xã/phường) nếu dự án được thực hiện ở một hoặc nhiều địa điểm tại Việt Nam.

9.10. *Ngành kinh tế:* Ghi rõ mã và tên một hoặc nhiều ngành kinh tế ghi trong Quyết định đầu tư (nếu có). Mã và tên ngành kinh tế ghi theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung về hệ thống ngành kinh tế (nếu có).

10. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

10.1. *Họ và tên người đại diện:* Người đại diện kê khai ghi rõ họ tên của mình.

10.2. *Điện thoại cơ quan:* Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định.

10.3. *Điện thoại di động:* Số điện thoại di động của người đại diện kê khai.

10.4. *Email:* Ghi rõ địa chỉ Email của người đại diện kê khai.

Đơn vị phải điền chính xác, đầy đủ thông tin của người đại diện đơn vị đăng ký mã số để thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin về quá trình đăng ký mã số ĐVQHNS từ cơ quan tài chính.

Mẫu số: 04-MSNS-BTC

4. Mẫu số 04-MSNS-BTC: Mẫu Thông báo chuyển giai đoạn dự án đầu tư (Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính).

Bộ, ngành; Tỉnh/TP:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHUYỂN GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách đã cấp cho dự án đầu tư:

Địa chỉ Chủ đầu tư:

Thông báo thay đổi/bổ sung chỉ tiêu đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho dự án đầu tư như sau:

1. Nhóm dự án đầu tư

Dự án quan trọng quốc gia Dự án nhóm B

Dự án nhóm A Dự án nhóm C

2. Hình thức dự án

Xây dựng mới Cải tạo mở rộng Cải tạo sửa chữa

3. Hình thức quản lý thực hiện dự án

Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành

Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án

Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực

Quản lý dự án của Tổng thầu xây dựng (EPC)

Ban QLDA đầu tư xây dựng một dự án đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước quy mô nhóm A có công trình cấp đặc biệt, có áp dụng công nghệ cao

Thuê tư vấn quản lý dự án

4. Quyết định đầu tư

- 4.1. Số quyết định:
- 4.2. Cơ quan ra quyết định:
- 4.3. Ngày quyết định:
- 4.4. Người ký quyết định:
- 4.5. Thời gian bắt đầu thực hiện:
- 4.6. Thời gian hoàn thành dự án:
- 4.7. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình:
- o Chi phí xây dựng:
 - o Chi phí dự phòng:
 - o Chi phí thiết bị:
 - o Chi phí quản lý dự án:
 - o Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tái định cư:
 - o Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
 - o Chi phí khác:

4.8. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

4.9. Địa điểm thực hiện dự án:

.....

Quốc gia	Tỉnh, thành phố	Quận, huyện	Xã, phường

5. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

- 5.1. Họ và tên người đại diện:
- 5.2. Điện thoại cơ quan:
- 5.3. Điện thoại di động:
- 5.4. Email:

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04-MSNS-BTC

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

Mẫu Thông báo chuyển giai đoạn dự án đầu tư

1. **Nhóm dự án đầu tư:** Đánh dấu **X** vào 1 trong các ô nhóm dự án tương ứng.
2. **Hình thức dự án:** Đánh dấu **X** vào 1 trong các ô hình thức dự án tương ứng.
3. **Hình thức quản lý thực hiện dự án:** Đánh dấu **X** vào 1 trong các ô hình thức quản lý thực hiện dự án tương ứng.
4. **Quyết định đầu tư:**
 - 4.1. *Số quyết định:* Số quyết định đầu tư.
 - 4.2. *Cơ quan ra quyết định:* Tên cơ quan ra quyết định đầu tư.
 - 4.3. *Ngày quyết định:* Ngày ký quyết định đầu tư.
 - 4.4. *Người ký quyết định:* Người ký quyết định đầu tư.
 - 4.5. *Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt:* Ghi rõ thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt nếu có.
 - 4.6. *Thời gian hoàn thành dự án được duyệt:* Ghi rõ thời gian hoàn thành dự án được duyệt nếu có.
 - 4.7. *Tổng mức đầu tư xây dựng dự án:* Mức tối đa cho phép của dự án, ghi chi tiết theo một hoặc tất cả các loại chi phí.
 - 4.8. *Nguồn vốn đầu tư:* Ghi chi tiết từng nguồn vốn, tỉ lệ từng nguồn vốn đầu tư và tổng tỷ lệ các nguồn vốn đầu tư này phải bằng 100%.
 - 4.9. *Địa điểm thực hiện dự án:* Ghi rõ quốc gia nơi thực hiện dự án đối với các dự án của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. Ghi chi tiết các địa bàn (tỉnh/thành phố, quận/huyện, xã/phường) nếu dự án được thực hiện ở một hoặc nhiều địa điểm

tại Việt Nam.

5. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

5.1. *Họ và tên người đại diện:* Người đại diện kê khai ghi rõ họ tên của mình.

5.2. *Điện thoại cơ quan:* Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định.

5.3. *Điện thoại di động:* Số điện thoại di động của người đại diện kê khai.

5.4. *Email:* Ghi rõ địa chỉ Email của người đại diện kê khai.

Đơn vị phải điền chính xác, đầy đủ thông tin của người đại diện đơn vị đăng ký mã số để thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin về quá trình đăng ký mã số ĐVQHNS từ cơ quan tài chính.

Mẫu số 06-MSNS-BTC

6. Mẫu số 06-MSNS-BTC: Thông báo thay đổi thông tin mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO**THAY ĐỔI THÔNG TIN MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH**

1. Tên Đơn vị/Dự án đầu tư:
2. Mã số ĐVQHNS đã được cấp:
3. Địa chỉ Đơn vị/Chủ đầu tư:

Đơn vị xin thông báo thay đổi thông tin chỉ tiêu đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách như sau:

STT	Chỉ tiêu thay đổi (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
1	Ví dụ 1: Tiêu chí số 4: cấp dự toán	Cấp dự toán: 3	Cấp dự toán: 2
2			
...			

4. Thông tin về người đại diện đăng ký thay đổi thông tin mã số ĐVQHNS

4.1. Họ và tên người đại diện:

4.2. Điện thoại cơ quan:

4.3. Điện thoại di động:

4.4. Email:

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06-MSNS-BTC

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**Thông báo thay đổi thông tin mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách**

- 1. Tên Đơn vị /Dự án đầu tư:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hoặc tên chủ đầu tư theo quyết định thành lập.
 - 2. Mã số ĐVQHNS đã được cấp:** Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách đã được cấp cho đơn vị hoặc cho dự án đầu tư.
 - 3. Địa chỉ Đơn vị/Chủ đầu tư:** Ghi rõ ràng, đầy đủ chi tiết địa chỉ của đơn vị, hoặc chủ đầu tư.
 - Cột (1): Chỉ tiêu ghi tương ứng trên các mẫu Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.
 - Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đã kê khai trong lần đăng ký mã số ĐVQHNS gần nhất.
 - Cột (3): Ghi chính xác chỉ tiêu mới thay đổi.
 - 4. Thông tin về người đại diện đăng ký thay đổi thông tin mã số ĐVQHNS**
 - 4.1. Họ và tên người đại diện: người đại diện kê khai ghi rõ họ tên của mình.
 - 4.2. Điện thoại cơ quan: Số điện thoại ghi rõ mã vùng - số điện thoại cố định.
 - 4.3. Điện thoại di động: Số điện thoại di động của người đại diện kê khai.
 - 4.4. Email: Ghi rõ địa chỉ Email của người đại diện kê khai thay đổi thông tin mã số.
- Đơn vị phải điền chính xác, đầy đủ thông tin của người đại diện đơn vị đăng ký thay đổi thông tin về mã số để thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin về quá trình đăng ký mã số ĐVQHNS từ cơ quan tài chính.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3089/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030";

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 87/TTr-PCTT ngày 12 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro
thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030"**

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3089/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức về thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai cho đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai, cán bộ chính quyền cơ sở và người dân, đặc biệt là người dân tại khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, góp phần xây dựng cộng đồng cấp xã, huyện an toàn trước thiên tai, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành văn hóa phòng ngừa, chủ động và tích cực tham gia vào công tác phòng chống thiên tai của đại đa số người dân nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường do thiên tai.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến hết năm 2025, phấn đấu đạt được những mục tiêu sau:

+ Nghiên cứu, hoàn thiện và triển khai các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách liên quan tới các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng toàn địa bàn Thành phố;

+ Đội ngũ giảng viên, tập huấn viên các cấp được trang bị kiến thức về thiên tai và năng lực để tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức về thiên tai, kỹ năng ứng phó thiên tai tại cộng đồng;

+ Người dân ở các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai như: bão, áp thấp nhiệt đới; giông sét, lốc xoáy; sạt lở bờ sông, kênh, rạch; ngập lụt do mưa lớn, triều cường, xả lũ được phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, tránh, ứng phó thiên tai.

- Đến hết năm 2030, phấn đấu đạt được những mục tiêu sau:

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh thuộc đối tượng 4 và đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư được phổ biến về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống, ứng phó thiên tai;

+ 100% người dân ở các khu vực chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới; các khu vực thường xuyên hoặc có nguy cơ xảy ra giông sét, lốc xoáy, sạt lở bờ sông, kênh, rạch, ngập lụt do mưa lớn, triều cường, xả lũ và ít nhất 50% người dân ở các khu vực khác được phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai, nhất là các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn;

+ 100% các cấp giáo dục thường xuyên, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đưa nội dung phòng, tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào một số môn học để giảng dạy;

+ 100% phường - xã - thị trấn khi xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai phải có sự tham gia của cộng đồng;

+ Phấn đấu 100% hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai và thông tin chỉ đạo phòng, tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI

1. Thời gian: từ năm 2021 đến năm 2030.

2. Phạm vi: Triển khai thực hiện trên toàn địa bàn Thành phố, trước hết ưu tiên tập trung cho các phường - xã - thị trấn thuộc khu vực có nguy cơ rủi ro cao, thường xuyên chịu tác động của thiên tai như: huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, thành phố Thủ Đức, Quận 12...

III. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Triển khai các văn bản hướng dẫn về chế độ, chính sách tài chính, quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, thông tin truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân.

- Cùng cố, kiện toàn và phát triển nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin và truyền thông, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại các cấp.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai với một số môn học để đưa vào chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình giảng dạy cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Đưa nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai vào kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Xây dựng, cập nhật, bổ sung tài liệu tập huấn về các hoạt động phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng; tài liệu tuyên truyền, truyền thông.

2. Nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cán bộ chính quyền các cấp về quản lý, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Tổ chức phổ biến nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (thuộc đối tượng 4 và đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh hàng năm.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ giảng viên, tập huấn viên, cán bộ, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.

- Tổ chức phổ biến chính sách, cơ chế, Bộ chỉ số đánh giá giám sát thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng".

- Tập huấn nâng cao kiến thức về thiên tai, kỹ năng phòng, chống, ứng phó thiên tai, tăng cường năng lực thực hiện công tác tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai; phóng viên, biên tập viên truyền thanh - truyền hình; báo cáo viên, tuyên truyền viên, lực lượng xung kích cơ sở; tập huấn chuyên biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương tại cộng đồng.

- Thực hiện đa dạng hóa các hình thức nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai; các cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Trang bị dụng cụ hỗ trợ cho đội ngũ giảng viên, tuyên truyền viên, tình nguyện viên ở các cấp trực tiếp thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức; tăng cường năng lực, kỹ năng cho cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai

- Tổ chức tuyên truyền, truyền thông phòng chống thiên tai đến mọi đối tượng trong cộng đồng; thực hiện đa dạng hóa tài liệu, các phương thức truyền thông tại cộng đồng, trong đó, có việc xây dựng phòng triển lãm, trưng bày hình ảnh, mô hình, tư liệu về các thiên tai đã xảy ra trên địa bàn, bài học kinh nghiệm phục vụ tham quan, học tập nâng cao nhận thức.

- Hướng dẫn và huy động người dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn phường - xã - thị trấn như diễn tập phòng tránh thiên tai, đánh giá rủi ro thiên tai, các sự kiện liên quan.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình phường - xã - thị trấn điển hình về thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng chống thiên tai.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài liệu, sản phẩm truyền thông; phổ biến, chia sẻ rộng rãi đến các nhóm đối tượng trong xã hội.

- Xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng.

- Lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm phòng, chống thiên tai tại các khu vực xung yếu, trũng thấp, ven sông, ven biển, thường xuyên xảy ra thiên tai; thiết lập, cập nhật định kỳ bản đồ rủi ro thiên tai chi tiết tới từng quận - huyện, phường - xã - thị trấn; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro thiên tai; thực hiện lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn vốn triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

1. Nguồn Ngân sách Thành phố.
2. Nguồn Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố.

3. Nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ từ các tổ chức quốc tế.
4. Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là cơ quan đầu mối, chủ trì, hướng dẫn thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và chịu trách nhiệm:

- Điều phối chung, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai kế hoạch thực hiện Đề án tới các sở, ngành, đơn vị và các địa phương trên địa bàn Thành phố; phê duyệt kế hoạch thực hiện hàng năm của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện và triển khai các quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả của các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, biên tập, triển khai các tài liệu hướng dẫn, nội dung giảng dạy về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để đưa vào các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng; hỗ trợ tập huấn theo đề nghị của địa phương hoặc các cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn Thành phố thực hiện phổ biến, tuyên truyền về các hoạt động trong phòng, chống thiên tai; nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Chịu trách nhiệm tổng hợp, biên tập tài liệu, sản phẩm tuyên truyền từ các cơ quan, đơn vị và các địa phương đã thực hiện để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu dùng chung, phổ biến, chia sẻ rộng rãi đến các nhóm đối tượng trong xã hội;

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ về thông tin trong quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng; thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương thực hiện các chương trình, nội dung triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án;

- Tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Đề án hàng năm, sơ kết 5 năm và tổng kết sau khi kết thúc Đề án.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện:

- Xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên, giáo viên kiến thức về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai;

- Lồng ghép nội dung phòng, chống, ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai với một số môn học để đưa vào chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình giảng dạy cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Xây dựng Phương án đảm bảo an toàn cho học sinh và cơ sở hạ tầng giáo dục khi xảy ra các tình huống thiên tai.

3. Bộ Tư lệnh Thành phố chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện thực hiện việc đưa nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai vào kế hoạch bồi dưỡng an ninh - quốc phòng cho đối tượng 4 và đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Nâng cao chất lượng công tác truyền thông, tuyên truyền, đưa tin trong phòng, tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; phối hợp, thực hiện các chương trình truyền thông về giảm nhẹ rủi ro thiên tai từ cộng đồng;

- Yêu cầu các cơ quan, thông tấn, báo chí trên địa bàn Thành phố và hệ thống thông tin các cấp xây dựng kế hoạch, dành thời lượng phát sóng tuyên truyền nội dung của Đề án, các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng; phổ biến kiến thức về thiên tai, những tác động của thiên tai và biện pháp phòng chống.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đưa nội dung phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do động đất, sóng thần vào nhiệm vụ lồng ghép nội dung phòng, chống, ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai với một số môn học để đưa vào chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình giảng dạy cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đưa nội dung phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do động đất, sóng thần vào nhiệm vụ xây dựng, biên tập, triển khai các tài liệu hướng dẫn, nội dung giảng dạy về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để đưa vào chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức các lớp tập huấn.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thực hiện các chương trình có liên quan như:

- Nâng cao năng lực ứng phó thiên tai cho đối tượng là người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương khác;

- Tập huấn chuyên môn, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về lồng ghép hòa nhập người khuyết tật trong phòng chống và giảm nhẹ thiên tai;

- Phối hợp hoạt động trong huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động hòa nhập người khuyết tật, các đối tượng dễ bị tổn thương trong phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

7. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn việc tổ chức thực hiện cơ chế huy động và tiếp nhận nguồn vốn hợp pháp từ các nguồn khác nhau phục vụ cho hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin truyền thông về phòng chống thiên tai theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng,

tuyên truyền nâng cao nhận thức về thiên tai, kỹ năng phòng, chống thiên tai cho chủ doanh nghiệp và người lao động.

10. Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố theo chức năng quản lý nhà nước được giao chủ động phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện trong việc tổ chức thực hiện Đề án; chủ động bố trí kinh phí trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

11. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện chủ động bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm, đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (vốn xã hội hóa, vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân...) để triển khai thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn, tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án của địa phương mình;

- Rà soát, thống nhất danh sách các phường, xã, thị trấn theo thứ tự ưu tiên để thực hiện; chuẩn bị các điều kiện cần thiết đáp ứng tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án;

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng và xây dựng các tài liệu tuyên truyền nội dung của Đề án, các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng; phổ biến kiến thức về thiên tai, những tác động của thiên tai và biện pháp phòng chống;

- Thực hiện lồng ghép nội dung của Đề án với các hoạt động có liên quan của các chương trình, dự án khác trên địa bàn, trong đó có việc thiết lập các hệ thống tiếp nhận tin, truyền tin thông báo, cảnh báo thiên tai và xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng.

- Tổ chức đánh giá, báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện, kiến nghị điều chỉnh nội dung Đề án cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (nếu có);

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; thực hiện lồng ghép phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

12. Hội Chữ thập đỏ Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thành Đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai; tham gia tập huấn; phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai; vận động sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của Đề án./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC

Khung kế hoạch các hoạt động thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng			
1	Triển khai các văn bản hướng dẫn về chế độ, chính sách tài chính, quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, thông tin truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân	Sở Tài chính, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	2021-2022
2	Củng cố, kiện toàn và phát triển nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động nâng	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	cao nhận thức cộng đồng, thông tin và truyền thông, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại các cấp	chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	
3	Lồng ghép nội dung phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai với một số môn học để đưa vào chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình giảng dạy cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	2021 - 2022
4	Triển khai nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai vào kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh	Bộ Tư lệnh Thành phố	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	2021 - 2022
5	Xây dựng, cập nhật, bổ sung tài liệu tập huấn về các hoạt động phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng; tài liệu tuyên truyền, truyền thông	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Thường xuyên
II	Nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cán bộ chính quyền các cấp về quản lý, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng			

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức phổ biến nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (thuộc đối tượng 4 và đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh hàng năm	Bộ Tư lệnh Thành phố	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Thường xuyên từ năm 2023 đến năm 2030
2	Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Thường xuyên
3	Tổ chức phổ biến chính sách, cơ chế, bộ chỉ số đánh giá giám sát thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Thường xuyên
4	Tập huấn nâng cao kiến thức về thiên tai, kỹ năng phòng, chống, ứng phó thiên tai, tăng cường năng lực thực hiện	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan	Thường xuyên từ năm 2023

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	công tác tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai; phóng viên, biên tập viên truyền thanh - truyền hình; báo cáo viên, tuyên truyền viên, lực lượng xung kích cơ sở; tập huấn chuyên biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương tại cộng đồng	kiểm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện		đến năm 2030
5	Thực hiện đa dạng hóa các hình thức nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai; các cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố	Thường xuyên
6	Trang bị dụng cụ hỗ trợ cho đội ngũ giảng viên, tuyên truyền viên, tình nguyện viên ở các cấp trực tiếp thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
III	Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức; tăng cường năng lực, kỹ năng cho cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai			
1	Tổ chức tuyên truyền, truyền thông phòng chống thiên tai đến mọi đối tượng trong cộng đồng; thực hiện đa dạng hóa tài liệu, các phương thức truyền thông tại cộng đồng, trong đó, có việc xây dựng phòng triển lãm, trưng bày hình ảnh, mô hình, tư liệu về các thiên tai đã xảy ra trên địa bàn, bài học kinh nghiệm phục vụ tham quan, học tập nâng cao nhận thức	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện	Sở Văn hóa và Thể thao và các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan	Thường xuyên
2	Hướng dẫn và huy động người dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn phường – xã – thị trấn như diễn tập phòng tránh thiên tai, đánh giá rủi ro thiên tai, các sự kiện liên quan	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố	Thường xuyên
3	Xây dựng và nhân rộng mô hình phường - xã – thị trấn điển hình về thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng chống thiên tai	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	2022-2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài liệu, sản phẩm truyền thông; phổ biến, chia sẻ rộng rãi đến các nhóm đối tượng trong xã hội; phát triển cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro thiên tai, thông tin truyền thông;	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	2021-2022
5	Xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan	Thường xuyên
6	Lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm phòng, chống thiên tai tại các khu vực xung yếu, trũng thấp, ven sông, ven biển, thường xuyên xảy ra thiên tai; thiết lập, cập nhật định kỳ thông tin bản đồ rủi ro thiên tai chi tiết tới từng quận - huyện, phường - xã - thị trấn	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan	Thường xuyên
7	Thực hiện lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển	2021-2022

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		quận - huyện.	nông thôn) và các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố liên quan.	
IV	Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch			
1	Tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Đề án hàng năm, sơ kết 5 năm và báo cáo tổng kết sau khi kết thúc Đề án.	Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện	Thường xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3128/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất sạch hơn và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 3559/TTr-SCT ngày 19 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thị Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 – 2030, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Sản xuất và tiêu dùng bền vững nhằm phát triển kinh tế hiệu quả; bảo vệ môi trường, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; các hoạt động và tiêu dùng bền vững được triển khai đồng bộ, tập trung vào các hành động có tính đột phá; bổ sung, đồng thời gắn kết các nội dung Kế hoạch vào các chương trình liên quan hiện có;

- Quán triệt, triển khai quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030; xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện;

- Tạo sự đồng thuận và nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân thành phố về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2030.

2. Yêu cầu

- Bám sát các nội dung cơ bản của Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020; cụ thể hóa các nội dung công việc, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan;

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả trong tổ chức thực hiện Kế hoạch này và huy động sự tham gia, đóng góp của mọi thành phần trong xã hội, trong đó doanh nghiệp và người tiêu dùng đóng vai trò trung tâm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu, khuyến khích phát triển các nguồn tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và sản phẩm thân thiện môi trường, có thể tái tạo, tái sử dụng và tái chế; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, thực hành và phát triển các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, đẩy mạnh sản xuất và tiêu dùng nội địa bền vững, tạo việc làm ổn định và việc làm xanh, thúc đẩy lối sống bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, hướng đến phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Giảm 5 - 8% mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất, cụ thể: dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy, chế biến thủy hải sản;

- 70% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

- Xây dựng, áp dụng từ 02 đến 05 mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững, phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

- 100% các quận, huyện, thành phố trên địa bàn Thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững;

- 85% các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy; xây dựng, thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng bền vững; khuyến khích phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường, được dán nhãn sinh thái tại các siêu thị, trung tâm thương mại;

- Khuyến khích lồng ghép nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chương trình đào tạo, giảng dạy tại các cấp đào tạo;

b) Đến năm 2030

- Giảm 7 - 10% mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất, cụ thể dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy, chế biến thủy hải sản;

- 100% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

- Xây dựng, áp dụng 10 mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững, phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững;

- 100% các siêu thị, trung tâm thương mại sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế sản phẩm bao bì nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Triển khai chính sách pháp luật thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Lồng ghép các nhiệm vụ của sản xuất và tiêu dùng bền vững vào các kế hoạch, chương trình phát triển của Thành phố;

- Triển khai các công cụ chính sách khuyến khích phát triển ngành công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế chất thải; các chính sách thúc đẩy đầu tư, sản xuất, phân phối, xuất nhập khẩu sản phẩm, công nghệ thân thiện môi trường; các chính sách phát triển các lĩnh vực thương mại phù hợp với các lộ trình hội nhập và cam kết quốc tế.

- Triển khai áp dụng các quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn về nhãn sinh thái gồm nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn các bon, nhãn tái chế và các nhãn sinh thái khác; các quy định, hướng dẫn về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng; chuẩn hóa các tiêu chuẩn ghép nối cho sản phẩm, dịch vụ nhằm tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu chất thải trong sản xuất và tiêu dùng.

2. Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, phát triển nhiên liệu, nguyên vật liệu có thể tái tạo, tái sinh

- Triển khai, hướng dẫn kỹ thuật và áp dụng các phương pháp, công nghệ kỹ thuật tốt nhất hiện có, thực hành môi trường tốt nhất nhằm khai thác hợp lý và giảm tổn thất tài nguyên trong các ngành công nghiệp;

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố áp dụng các mô hình thu hồi, tái sử dụng và tái chế chất thải, các mô hình quản lý tổng hợp khai thác, chế

biến và chế tạo, sản xuất và sử dụng bền vững tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và năng lượng tái tạo cho các ngành công nghiệp;

- Hỗ trợ, tư vấn các giải pháp tiết kiệm nguồn năng lượng cho doanh nghiệp; tổ chức đào tạo, áp dụng các mô hình về quản lý tiết kiệm, hiệu quả nguồn nhiên liệu, năng lượng trong hoạt động sản xuất.

3. Thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng

- Phổ biến và nhân rộng các mô hình, thực hành tốt về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng cho các sản phẩm dệt may, thủ công mỹ nghệ, bao bì, gia dụng và các sản phẩm có tiềm năng;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức, tham gia cuộc thi và trao giải thưởng về các sáng kiến tốt, giới thiệu các sản phẩm được thiết kế có tính sáng tạo và bền vững đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

4. Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình, liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm

- Triển khai các định mức kinh tế kỹ thuật, hỗ trợ tư vấn, đánh giá, hướng dẫn thực hiện kiểm toán về hiệu quả sử dụng nhiên liệu, nguyên vật liệu; áp dụng, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất trong các ngành dệt may, thép, giấy, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, điện tử, chế biến thực phẩm và ngành kinh tế khác;

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững; phát triển mạng lưới liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm; phổ biến và nhân rộng các mô hình đổi mới sinh thái trong các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát, bao bì và các ngành kinh tế khác; hướng dẫn kỹ thuật về quản lý tốt vòng đời sản phẩm, các sản phẩm hóa chất theo các cam kết và thông lệ quốc tế;

- Phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng sinh công nghiệp; mô hình khu, cụm công nghiệp, làng nghề sinh thái và bền vững; phát triển mạng lưới liên kết bền vững giữa sản xuất tiêu thụ công nghiệp và sản xuất công nghiệp;

- Xây dựng các tài liệu hướng dẫn, đào tạo, hỗ trợ triển khai và nhân rộng các mô hình phát triển làng nghề bền vững, mô hình về chuỗi cung ứng sản phẩm bền vững, chuỗi cung ứng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm; mô hình nông nghiệp hữu cơ, mô hình nuôi trồng bền vững;

- Hỗ trợ xây dựng và áp dụng phổ biến, nhân rộng các thực hành tốt về sản xuất sạch hơn, các mô hình về quản lý và sử dụng nước hiệu quả; các mô hình về giảm

thiếu, thu hồi, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải; các mô hình kinh tế tuần hoàn tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

5. Phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuất nhập khẩu bền vững

- Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần phân phối xanh, bền vững, thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học sạch, thân thiện môi trường trong các hoạt động phân phối, vận chuyển hàng hóa;

- Khuyến khích sản xuất và sử dụng phương tiện vận tải thân thiện môi trường, ít phát thải nhà kính; triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển và nâng cao thị phần vận tải hành khách công cộng tại các đô thị, thị phần vận tải hàng hóa bằng đường thủy, vận tải ven biển và đường sắt; triển khai ứng dụng công nghệ xử lý khí thải, công nghệ mới, năng lượng thay thế nhiên liệu truyền thống, chuyển đổi sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường trong lĩnh vực giao thông vận tải, ưu tiên trong vận tải công cộng;

- Xây dựng, tổ chức mạng lưới liên kết bền vững giữa các cơ sở phân phối, bán lẻ với các nhà cung ứng về nguyên liệu, hàng hóa và sản phẩm thân thiện môi trường; thiết kế hình thành khu vực, gian hàng xanh trưng bày các sản phẩm thân thiện môi trường; thúc đẩy phân phối và tiêu dùng bền vững đối với sản phẩm thân thiện môi trường được sản xuất trong nước; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy tại các chợ dân sinh, siêu thị, trung tâm thương mại và các trung tâm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp;

- Hướng dẫn, triển khai áp dụng các mô hình sử dụng các nguyên vật liệu, sản phẩm thân thiện môi trường; giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng chất thải; áp dụng các giải pháp thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả tại các trung tâm thương mại và siêu thị, các cơ sở và trung tâm phân phối của doanh nghiệp;

- Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động xuất nhập khẩu bền vững, hướng dẫn doanh nghiệp về các yêu cầu, quy định, cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường.

6. Thúc đẩy dán nhãn và chứng nhận sinh thái

- Phối hợp triển khai vận hành hệ thống chứng nhận và dán nhãn sinh thái gồm nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn các bon, nhãn tái chế và các nhãn sinh thái khác cho doanh nghiệp;

- Xây dựng các tài liệu hướng dẫn, đào tạo phổ biến về nhãn sinh thái; các quy định, yêu cầu về nhãn sinh thái của các thị trường xuất khẩu của Việt Nam; tuyên

truyền, cung cấp thông tin, nâng cao năng lực về nhãn sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng;

- Triển khai, thực hiện các quy định về chứng nhận và dán nhãn sinh thái, chứng nhận nhãn du lịch bền vững, nhãn xanh cho cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; nhãn xanh đối với các công trình xây dựng, các cơ sở và các trung tâm thương mại.

7. Đẩy mạnh phát triển thị trường bền vững, cung cấp thông tin cho người tiêu dùng

- Tuyên truyền, phổ biến tài liệu, triển khai hướng dẫn áp dụng và phổ biến các thực hành tốt về tiếp cận và phát triển thị trường bền vững; hướng dẫn phổ biến về tiêu dùng bền vững đối với các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường;

- Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái trong các hội chợ đa ngành và chuyên ngành;

- Hình thành khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái để giới thiệu sản phẩm và kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

8. Đẩy mạnh mua sắm bền vững, thúc đẩy tiếp cận và hỗ trợ tài chính xanh

Tuyên truyền, phổ biến tài liệu, hướng dẫn áp dụng về mua sắm bền vững đối với các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường phù hợp quy định trong nước và quốc tế;

- Thông tin tuyên truyền, triển khai các tài liệu hướng dẫn, nâng cao năng lực về tài chính xanh thúc đẩy thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức liên quan tiếp cận về tài chính xanh;

- Triển khai thực hiện các chính sách công cụ tài chính xanh nhằm thúc đẩy áp dụng các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm tái chế;

- Hướng dẫn, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về mua sắm công xanh.

9. Nâng cao năng lực, tăng cường giáo dục và thực hành lối sống bền vững

- Xây dựng và thực hành các mô hình kinh tế về lối sống bền vững, hướng dẫn thực hành tốt về lối sống bền vững; tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường;

- Xây dựng, triển khai các mô hình, các thực hành tốt về du lịch bền vững, lồng ghép quảng bá và giới thiệu các sản phẩm truyền thông, thân thiện môi trường;
- Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến về sản xuất và tiêu dùng bền vững; lồng ghép nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong các chương trình giảng dạy, đào tạo tại các cấp học.

10. Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đối với chất thải

- Đẩy mạnh áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu;
- Đẩy mạnh kết nối cung cầu, phát triển thị trường về sản phẩm và công nghệ môi trường, sản phẩm và công nghệ tái chế và công nghệ các bon thấp.

11. Đẩy mạnh truyền thông về sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Xây dựng cẩm nang, tờ rơi, áp phích hướng dẫn, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức và thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững;
- Tuyên truyền giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy, vận động người dân, doanh nghiệp sử dụng túi thân thiện với môi trường tại các hệ thống phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống;
- Tổ chức các khóa tập huấn tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng trên địa bàn thành phố.

12. Xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Phát triển hệ thống, trung tâm cơ sở dữ liệu thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững; thu thập, cung cấp thông tin các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn các bon, nhãn tái chế và các nhãn sinh thái khác vào hệ thống cơ sở dữ liệu Thành phố;
- Đẩy mạnh ứng dụng giải pháp công nghệ hiện đại, công nghệ số, thương mại điện tử để phổ biến, kết nối cung cầu công nghệ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường; phát triển chuỗi cung ứng bền vững; xây dựng, triển khai ứng dụng hệ thống về truy xuất nguồn gốc sản phẩm;
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn đối với năng lượng, nguyên liệu và chất thải trong khu, cụm công nghiệp;
- Khảo sát đánh giá tình hình sử dụng túi ni lông khó phân hủy và túi ni lông thân thiện với môi trường tại các hệ thống phân phối trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Khảo sát mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất dệt may, thép nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy và chế biến thủy sản.

13. Phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Triển khai thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, kinh tế tuần hoàn giai đoạn 2021 – 2030; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững;

- Tổ chức kết nối, tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn;

- Tăng cường công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo thẩm quyền. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn, bao gồm chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyển giao công nghệ, các dịch vụ chuyển giao công nghệ khác theo quy định.

14. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Xây dựng nền tảng kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững trong nước và quốc tế; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, tổ chức và tham gia các mạng lưới, diễn đàn, hội nghị về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong khu vực và quốc tế;

- Xây dựng chương trình kết nối hợp tác bền vững giữa doanh nghiệp, tổ chức trong nước với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững phù hợp quy định, cam kết hội nhập quốc tế.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành rà soát, lồng ghép và gắn kết nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong các chương trình hiện có.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí, huy động từ các nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương, Ngân sách thành phố, vốn viện trợ, vốn tài trợ, các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch, hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN (Chi tiết Phụ lục đính kèm)

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp các Sở ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp, đúng mục tiêu; thường xuyên theo dõi, rà soát, cập nhật cơ chế, chính sách, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi bổ sung, ban hành đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế.

- Phối hợp Bộ Công Thương triển khai các nội dung có liên quan tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn Thành phố.

- Làm đầu mối đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hành động này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Kế hoạch và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững; phổ biến và nhân rộng mô hình về thu gom, giảm thiểu và tái sử dụng chất thải.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Thành phố và các đơn vị có liên quan trong công tác xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp để thực hiện nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, đổi mới sáng tạo trong sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Giới thiệu, tuyên truyền các mô hình, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất và tiêu dùng bền vững.

4. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần phân phối xanh, bền vững bao gồm các trung tâm hậu cần xanh, hệ thống kho vận, giao nhận hàng hóa xanh, thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học sạch, thân thiện môi trường trong các hoạt động phân phối, vận chuyển hàng hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng mạng lưới liên kết hợp tác sản xuất và tiêu dùng bền vững, liên kết theo chuỗi đối với các sản phẩm nông lâm, thủy sản.

- Xây dựng tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, các mô hình thực hành tốt về sản xuất nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố triển khai duy trì, phát triển hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm trên địa bàn Thành phố.

6. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chương trình xúc tiến đầu tư.

- Kêu gọi các nguồn tài trợ từ các dự án trong và ngoài nước về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

8. Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo chí Thành phố Hồ Chí Minh

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Công Thương và các đơn vị liên quan hướng dẫn, đề nghị các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thực hiện thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn Thành phố.

- Các cơ quan báo chí Thành Phố Hồ Chí Minh: đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người tiêu dùng về sản xuất và tiêu dùng bền vững; lợi ích của việc áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; tuyên truyền sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho các sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần.

9. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành Thành phố; Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố; Ban Quản lý Khu công nghệ cao; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tiễn; bố trí nguồn lực triển khai các nội dung được phân công tại Kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp để phối hợp thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn theo quy định.

10. Các Hiệp hội ngành nghề, Hiệp hội các nhà bán lẻ, Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, tổ chức đoàn thể xã hội trên địa bàn Thành phố, cộng đồng và các cá nhân

Chủ động đề xuất, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững, hỗ trợ thực hiện các hành động sản xuất và tiêu dùng bền vững phù hợp với lĩnh vực hoạt động và nhiệm vụ được giao.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị liên quan phối hợp Sở Công Thương triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; gửi báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trước ngày 30 tháng 11 hàng năm về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan đơn vị chủ động đề xuất, gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên thuộc Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Triển khai chính sách pháp luật thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững				
1	Triển khai các chính sách, tiêu chuẩn, hướng dẫn về nhân sinh thái, về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế đề tái chế, tái sử dụng; các tiêu chí về sản phẩm tái chế, chính sách phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế chất thải.	Thúc đẩy thực thi các quy định trong nước và quốc tế, thực hiện các mục tiêu về phát triển bền vững; quản lý việc triển khai Chương trình có hiệu quả; tạo hành lang pháp lý khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.	2021 - 2030
2	Triển khai các chính sách thúc đẩy sản xuất, phân phối, xuất nhập khẩu sản phẩm thân thiện môi trường phù hợp với lộ trình hội nhập và cam kết quốc tế.				
II	Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, phát triển nhiên liệu, nguyên vật liệu có thể tái tạo, tái sinh				
3	Hướng dẫn, phổ biến các mô hình quản lý,	Thúc đẩy quản lý, khai thác, sử	Sở Tài nguyên và	Sở Công Thương, Các Sở,	2021-2030

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên; các mô hình quản lý tổng hợp khai thác và sử dụng bền vững tại các khu vực khoáng sản.	dùng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường hiệu quả.	Môi trường	ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.	
4	Tổ chức Hội nghị, Hội thảo về năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.	Trao đổi, thảo luận, chia sẻ những giải pháp, công nghệ, kỹ thuật, thị trường; các khó khăn phát sinh và kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.	2021-2030
5	Hỗ trợ, tư vấn các giải pháp tiết kiệm nguồn năng lượng cho doanh nghiệp; tổ chức đào tạo, áp dụng các mô hình về quản lý tiết kiệm, hiệu quả nguồn nhiên liệu, năng lượng trong hoạt động sản xuất.	Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá thực trạng sử dụng năng lượng, đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp giảm suất tiêu thụ năng lượng và các chi phí vận hành.	Sở Công Thương	Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2021-2025
III	Thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng				
6	Hỗ trợ xây dựng, áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình, thực hành tốt về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng đối với các sản phẩm có tiềm năng, có lợi thế xuất khẩu, cụ thể là sản phẩm bao bì, đồ uống, may mặc, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng.	Đẩy mạnh thiết kế sinh thái, thiết kế bền vững, thiết kế để tái chế và tái sử dụng, góp phần giảm phát thải theo vòng đời sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy xuất khẩu bền vững.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố có liên quan; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực dệt may, thủ công mỹ nghệ, bao bì, gia dụng và các sản phẩm có tiềm năng.	2021-2030
IV	Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình, liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm				

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Hỗ trợ xây dựng, áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất trong các ngành dệt may, thép, giấy, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, chế biến thực phẩm.	Nâng cao hiệu quả liên kết giữa các ngành, gắn với việc hình thành chuỗi giá trị sản xuất, phát triển mạng lưới liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm, phát huy lợi thế cạnh tranh và nâng cao giá trị sản phẩm.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố; Các doanh nghiệp liên quan.	2021-2030
8	Tuyên truyền, áp dụng, phổ biến và nhân rộng mô hình cụm công nghiệp sinh thái và bền vững.	Phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình về sản xuất, tiêu dùng bền vững trong các CCN.	Sở Công Thương	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố; các khu, cụm công nghiệp.	2021-2025
9	Hỗ trợ Khu công nghiệp Hiệp Phước chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái theo Dự án “Triển khai khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam theo hướng tiếp cận từ Chương trình khu công nghiệp sinh thái toàn cầu” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Xây dựng, phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình về sản xuất, tiêu dùng bền vững trong các KCN, KCX.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan.	2021-2025
10	Xây dựng, phổ biến và nhân rộng các mô hình về khu công nghiệp sinh thái. Thí điểm xây dựng 01 Khu Công nghiệp sinh thái tại Thành phố.				
11	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, phát triển mạng lưới liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm; xây dựng, phổ biến và nhân rộng các mô hình đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp thuộc các ngành ưu tiên phát triển.	- Thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh - Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mạng lưới liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm.	Sở Công Thương	Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố.	2021-2025

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
12	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trong xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững và đáp ứng các yêu cầu, quy định kỹ thuật về truy xuất nguồn gốc sản phẩm.	Nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp thông qua các chương trình đào tạo kiến thức quản lý cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp thể hiện sự minh bạch trong sản xuất, kinh doanh, đảm bảo hàng hóa có chất lượng tốt, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.	Sở Công Thương	Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
V	Phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuất nhập khẩu bền vững				
13	Xây dựng và phát triển mạng lưới liên kết hợp tác bền vững giữa cơ sở phân phối bán lẻ với các nhà cung ứng về sản phẩm thân thiện môi trường.	Thúc đẩy phát triển thị trường các sản phẩm thân thiện môi trường.	Sở Công Thương	Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các nhà cung ứng về sản phẩm thân thiện môi trường trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
14	Ứng dụng năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch (CNG, LPG, LNG, nhiên liệu sinh học, năng lượng điện, năng lượng tiềm năng khác,...) thay thế cho nhiên liệu truyền thống đối với vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong ngành giao thông vận tải trên địa bàn, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Sở Giao thông Vận tải	Sở Công Thương, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; Các doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
15	Hướng dẫn thực hiện chứng nhận doanh nghiệp, cơ sở phân phối bền vững; cung cấp hỗ trợ người tiêu dùng thông tin nhận diện đối với các hệ thống, kênh phân phối xanh và bền vững theo tiêu chí của Bộ Công Thương.	- Vận động, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở phân phối trên địa bàn Thành phố tham gia đánh giá đạt chứng nhận doanh nghiệp, cơ sở phân phối bền vững theo tiêu chí của Bộ Công Thương;	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.	2021-2025

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		- Phổ biến thông tin nhận diện đối với các hệ thống, kênh phân phối xanh, bền vững đến người tiêu dùng.			
16	Xây dựng mô hình “Điểm bán hàng Việt” với tên gọi “Tự hào người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, trong đó có phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường và được dán nhãn sinh thái.	Xây dựng mô hình cung cấp các sản phẩm nội địa thân thiện với môi trường đến tay người tiêu dùng.	Sở Công Thương	Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan.	2021-2025
17	Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động xuất nhập khẩu bền vững; cung cấp thông tin về thị trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường; tuyên truyền, phổ biến cho doanh nghiệp các tài liệu hướng dẫn cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững do Chính phủ và Bộ Công Thương thông báo, ban hành.	- Thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm thân thiện môi trường - Nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan.	2021-2030
VI	Thúc đẩy dán nhãn và chứng nhận sinh thái				
18	Phổ biến các tài liệu hướng dẫn, áp dụng và vận hành hệ thống chứng nhận, dán nhãn các bon cho sản phẩm tiềm năng, có định hướng xuất khẩu.	Nâng cao hiểu biết về nhãn sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
19	Tổ chức tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao năng lực về nhãn sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.		Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.	2021-2030

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
20	Triển khai, thực hiện các quy định về chứng nhận và dán nhãn sinh thái, chứng nhận nhân du lịch bền vững, nhãn xanh cho cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch trên địa bàn Thành phố.	Nâng cao hiểu biết của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch về nhãn sinh thái; đáp ứng các quy định, yêu cầu quốc tế về nhãn sinh thái đối với các loại hình, sản phẩm du lịch bền vững.	Sở Du lịch	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; Các cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	2021-2030
VII	Đẩy mạnh phát triển thị trường bền vững, cung cấp thông tin cho người tiêu dùng				
21	Phổ biến tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp thực hành tốt về tiếp cận và phát triển thị trường bền vững.	Cải thiện, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan	2021-2030
22	Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường trong các hội chợ đa ngành và chuyên ngành.	Cung cấp đến người tiêu dùng các thông tin về sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, góp phần thúc đẩy tiêu dùng bền vững.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố và các đơn vị liên quan.	2021-2030
23	Hình thành khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ đảm bảo.		Sở Công Thương		
VIII	Đẩy mạnh mua sắm bền vững, thúc đẩy tiếp cận và hỗ trợ tài chính xanh				
24	Xây dựng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm ưu tiên các chương trình, dự án phục vụ mua sắm công xanh, hướng đến phát triển bền vững	Đẩy mạnh áp dụng thực hành mua sắm bền vững, hình thành thói quen, tiêu dùng bền vững; tạo động lực thúc đẩy sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố và các đơn vị liên quan.	2021-2030
25	Thông tin tuyên truyền, phổ biến các tài liệu hướng dẫn, nâng cao năng lực về tài chính xanh, tín dụng xanh thúc đẩy thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững, hỗ trợ	Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị tiếp cận tài chính đầu tư sản xuất kinh doanh bền vững, thực	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Công Thương, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các doanh nghiệp,	2021 – 2030

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	các doanh nghiệp tổ chức liên quan tiếp cận về tài chính xanh.	hiện các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững		tổ chức trên địa bàn Thành phố.	
26	Hướng dẫn, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về mua sắm công xanh.		Sở Tài chính		2021 – 2030
IX	Nâng cao năng lực, tăng cường giáo dục và thực hành lối sống bền vững				
27	Phối hợp xây dựng, triển khai các mô hình, các thực hành tốt về du lịch bền vững, mô hình du lịch sinh thái gắn với giới thiệu sản phẩm truyền thống, thân thiện môi trường.	Thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững; khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp du lịch trên địa bàn Thành phố thực hiện sản xuất kinh doanh và tiêu dùng bền vững.	Sở Du lịch	Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố; Hiệp hội Du lịch và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
28	Tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến về sản xuất và tiêu dùng bền vững; các khóa đào tạo về sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhân sinh thái và thiết kế bền vững cho các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng về sản xuất và tiêu dùng bền vững	Sở Công Thương	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
29	Xây dựng và lồng ghép các nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chương trình sinh hoạt đầu khóa cho học sinh tại các cấp học trên địa bàn Thành phố.	Thúc đẩy thực hành lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường đối với thế hệ trẻ của đất nước.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; Các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
30	Xây dựng và lồng ghép nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố.		Sở Lao động Thương binh và Xã hội		
X	Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đối với chất thải				
31	Tuyên truyền, phổ biến các tài liệu, hướng dẫn thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực chế biến thực	Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn góp phần sử dụng hiệu quả năng lượng, nguyên nhiên	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện –	2021 - 2030

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	phẩm, đồ uống, dệt may, da giày, nhựa, giấy, điện tử.	vật liệu, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố.		thành phố liên quan.	
32	Tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu trên địa bàn Thành phố.		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố và các đơn vị liên quan.	2021 - 2030
XI	Đẩy mạnh truyền thông về sản xuất và tiêu dùng bền vững				
33	Xây dựng cẩm nang, tờ rơi, áp phích hướng dẫn tài liệu, phổ biến chính sách pháp luật, các mô hình, thực hành tốt về sản xuất tiêu dùng bền vững (lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi trường,...) trên địa bàn Thành phố.	Nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
34	Tổ chức tuyên truyền giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy, vận động người dân, doanh nghiệp sử dụng túi thân thiện với môi trường tại các hệ thống phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống qua báo đài, truyền thanh, truyền hình, áp phích, băng rôn, tờ rơi và các phương tiện thông tin đại chúng khác.	- Phân đầu giảm 85% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các cơ quan truyền thông; các hệ thống phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
35	Tổ chức các khóa tập huấn tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố.	Nâng cao nhận thức cộng đồng, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức về sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố; Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các đơn vị liên quan.	2021-2030

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
36	Xây dựng tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, các mô hình thực hành tốt về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong nông nghiệp.	Nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp về sản xuất và tiêu dùng bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương, các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan; các cơ quan truyền thông; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
XII	Xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững				
37	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Hình thành và phát triển cơ sở dữ liệu thông tin hiện đại đáp ứng yêu cầu về quản lý, thực hành về sản xuất và tiêu dùng bền vững	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
38	Phát triển hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR trong truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn Thành phố.		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
39	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn đối với năng lượng, nguyên liệu và chất thải trong các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố.		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố và các đơn vị liên quan.	2021-2030
40	Khảo sát đánh giá tình hình sử dụng túi ni lông khó phân hủy và túi ni lông thân thiện với môi trường tại các hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và các cơ sở và trung tâm phân phối của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	Phần đầu giảm 85% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường; các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ truyền thống trên địa bàn Thành phố.	2021-2025

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
41	Khảo sát mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy và chế biến thủy sản trên địa bàn Thành phố.	Phấn đấu giảm từ 5 – 8% vào năm 2025 và 7 – 10% vào năm 2030 mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy và chế biến thủy sản trên địa bàn Thành phố	Sở Công Thương	Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố và các đơn vị liên quan; doanh nghiệp các ngành sản xuất dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy và chế biến thủy sản trên địa bàn Thành phố.	2021-2030
XIII	Phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững				
42	Lồng ghép nhiệm vụ khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững trong việc thực hiện các chương trình KH&CN trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021 – 2030.	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và áp dụng khoa học công nghệ hiện đại theo hướng kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan.	2021-2030
43	Tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn	Tạo điều kiện cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế kết nối, trao đổi và tiếp cận với các ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện – thành phố liên quan.	2021-2030
XIV	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững				
44	Tham mưu tổ chức các đoàn công tác của Thành phố tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong khu vực và quốc tế	Nâng cao năng lực quản lý về sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan.	2021-2030

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
45	Hỗ trợ kết nối các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình kết nối hợp tác bền vững giữa doanh nghiệp, tổ chức trong nước với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững phù hợp quy định, cam kết hội nhập quốc tế	Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức trong nước trao đổi, hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan.	2021-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng